TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HSST
Ngày: 28/7/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bách.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bạn và bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2023/TLST-HS, ngày 22 tháng 6 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 27/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34 ngày 07/7/2023, Thông báo mở phiên tòa số 10 ngày 17/7/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N- sinh năm 1975;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: KDC T1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Nguyễn Văn T, mẹ đẻ Nguyễn Thị P (đã chết); Chồng là Hà Duy Q (đã chết); Có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị D- sinh năm 1988.

Địa chỉ: KDC L, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Trần Thị Y- sinh năm 1981.

Địa chỉ: KDC N1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/01/2023, khi Nguyễn Thị N (là Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, địa chỉ: Đường A, khu dân cư T1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương) đang ở nhà thì có Nguyễn Thị D, sinh năm 1988, nơi cư trú: khu dân cư L, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và Trần Thị Y, sinh năm 1981, nơi cư trú: khu dân cư N1, phường S, thành phố Chí Linh đến gặp N để mua hóa đơn. Do có quen biết từ trước nên D bảo N bán cho D 01 hóa đơn bán hàng, ghi nội dung là "*mâm ngũ quả*" với số tiền ghi trong hóa đơn 3.000.000đ nhưng không có hàng hóa kèm theo. N đồng ý và sử dụng máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, màu đen đăng nhập vào phần mềm hóa đơn điện tử đăng nhập theo tên đăng nhập 0801121905, mật khẩu: Thue@2022 (là tài khoản hóa đơn điện tử cấp cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N*)*. N nhập các nội dung trên hóa đơn giá trị gia tăng điện tử theo yêu cầu của chị D. Sau khi điền hết các thông tin, N cắm USB Token (là USB chứa chữ ký số) vào máy tính và nhập mật khẩu của chữ ký số để xác minh việc lập hóa đơn (mật khẩu chữ ký số là: 12345678). Sau đó, N xuất hóa đơn giá trị gia tăng điện tử ký hiệu 2C23TNN, số hóa đơn 10, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N bán cho D với giá 300.000đ. Tiếp đó, Y cũng bảo N xuất bán cho 02 hóa đơn bán hàng, 01 hóa đơn ghi nội dung là "*mâm ngũ quả*", 01 hóa đơn ghi nội dung là "*hoa tươi*", số tiền ghi trong mỗi hóa đơn là 3.000.000đ đều không có hàng hóa kèm theo. N đồng ý rồi tiếp tục sử dụng máy tính xách tay để xuất bán cho Y hóa đơn giá trị gia tăng điện tử theo mẫu 2C23TNN, số hóa đơn lần lượt là 11 và 12 của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N cho Y với giá 600.000đ. Sau khi xuất bán 03 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử cho D và Y, N sử dụng ứng dụng Zalo đăng nhập trên máy tính xách tay rồi gửi các hóa đơn này đến từ tài khoản Zalo của N là "*N Nguyễn*" đến tài khoản Zalo "*Hoa Bang Lang*" của D để D, Y về tự in. Khi nhận được hóa đơn điện tử qua Zalo thì D và Y mỗi người trả cho N số tiền là 500.000đ. N nhận tiền rồi trả lại cho D số tiền 100.000đ để D và Y tự trả tiền với nhau. Sau khi N đưa tiền cho chị D thì lực lượng Công an thành phố Chí Linh kiểm tra phát hiện, thu giữ: 01 Máy tính nhãn hiệu Lenovo, màu đen, tên thiết bị: DESKTOP – 3NDHVAK; ID thiết bị 8F6B1D42 – E571 – 4FA5 – 8C2B- C5E71A40CF69; ID sản phẩm 00330 – 80000 – 00000 – AA924 (đã qua sử dụng); 01 USB màu trắng

đen nhãn hiệu Token bên trên có mã số 5405211101003172 của Nguyễn Thị N; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI 356561086175644 màu đen, lắp sim số 0987.388.788 của Nguyễn Thị D, số tiền 1.100.000 đồng do Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị D giao nộp đồng thời lập biên bản và đưa các đối tượng về trụ sở để làm việc.

Ngoài hành vi trên trong khoảng thời gian từ ngày 15/6/2022 đến ngày 30/12/2022, Nguyễn Thị N còn bán cho Nguyễn Thị D và Trần Thị Y 12 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử không kèm hàng hóa. Cụ thể là:

- Ngày 15/6/2022, N bán cho D 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 63, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm quả", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. D đã trả số tiền: 300.000đ cho N.

- Ngày 19/7/2022, N bán cho D 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 111, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm ngũ quả", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. D đã trả số tiền: 300.000đ cho N.

- Ngày 22/8/2022, N bán cho chị Duyệt 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 170, có ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm quả", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. D đã trả số tiền: 300.000đ cho N.

- Ngày 18/11/2022, N bán cho D 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 314, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm ngũ quả", số tiền ghi trên hóa đơn 5.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 500.000đ; bán cho Y 01 hóa đơn bán hàng số: 315, ký hiệu 2C22TNN của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "hoa tươi", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. D đã trả số tiền 500.000đ và Y đã trả số tiền 300.000đ cho N.

- Ngày 05/12/2022, N bán cho D 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 361, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm ngũ quả", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. D đã trả số tiền: 300.000đ cho N.

- Ngày 08/12/2022, N bán cho Y 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 366, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N nội dung là "mâm ngũ quả", số tiền ghi trên hóa đơn là 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. Y đã trả số tiền: 300.000đ cho N.

- Ngày 15/12/2022, N bán cho D 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 375, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm lễ", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ; bán cho chị Y 02 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 376, 377, ký hiệu 2C22TNN của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "Hoa tươi", số tiền ghi trên mỗi hóa đơn là 3.000.000đ, không kèm hàng hóa với giá 300.000đ. D đã trả số tiền 300.000đ và Y đã trả số tiền 600.000đ cho N.

- Ngày 30/12/2022, N bán cho D 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 440, ký hiệu 2C22TNN, của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "mâm lễ", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ; bán cho Y 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số: 441, ký hiệu 2C22TNN của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, nội dung là "hoa tươi", số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ, không có hàng hóa kèm theo với giá 300.000đ. D đã trả số tiền 300.000đ và Y đã trả số tiền 300.000đ cho N.

Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính từ việc bán 15 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử không kèm hàng hóa cho Nguyễn Thị D và Trần Thị Y là: 4.700.000 đồng.

*** Tại Bản kết luận giám định ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Cục thuế tỉnh Hải Dương kết luận:**

- Hành vi của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N bán 15 số hóa đơn cho Nguyễn Thị D, Trần Thị Y mà không có hàng hóa dịch vụ kèm theo được xác định là sử dụng không hợp pháp hóa đơn.

- Hành vi bán 15 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị N chưa dẫn đến thiệt hại về tiền thuế về NSNN.

- Đối với người mua (Nguyễn Thị D, Trần Thị Y) do không có đủ căn cứ về việc sử dụng, kê khai thuế nên các giám định viên chưa có cơ sở xác định hành vi trốn thuế và gây thiệt hại về tiền thuế, do đó không thực hiện giám định nội dung này.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã thu giữ và nhập kho vật chứng: 01 Máy tính nhãn hiệu Lenovo, màu đen, tên thiết bị: DESKTOP – 3NDHVAK; ID thiết bị: 8F6B1D42 – E571 – 4FA5 – 8C2B-C5E71A40CF69; ID sản phẩm: 00330 – 80000 – 00000 – AA924 (đã qua sử dụng); 01 USB màu trắng đen *(USB token)* bên trên USB có mã số 5405211101003172 của Nguyễn Thị N; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 356561086175644 màu đen, lắp sim số: 0987.388.788 *(đã qua sử dụng)* của

Nguyễn Thị D; số tiền 1.100.000đ thu giữ của Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị D và Trần Thị Y ngày 10/01/2023; số tiền 3.800.000đ do Nguyễn Thị N tự nguyện giao nộp hiện đang lưu tại kho vật chứng của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKS-CL, ngày 19/6/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai nhận như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước". Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N số tiền **từ 55.000.000đ đến 60.000.000đ** nộp vào Ngân sách Nhà nước. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về vật chứng: Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 4.900.000đ; Tịch thu phát mại sung nộp Ngân sách Nhà nước 01 Máy tính nhãn hiệu Lenovo, màu đen, tên thiết bị: DESKTOP – 3NDHVAK; ID thiết bị: 8F6B1D42 – E571 – 4FA5 – 8C2B- C5E71A40CF69; ID sản phẩm: 00330 – 80000 – 00000 – AA924 (đã qua sử dụng); 01 USB màu trắng đen *(USB token)* bên trên USB có mã số 5405211101003172 của Nguyễn Thị N; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 356561086175644 màu đen, lắp sim số: 0987.388.788 *(đã qua sử dụng)* của Nguyễn Thị D. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng, Kết luận giám định của cơ quan thuế, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/6/2022 đến ngày 10/01/2023, Nguyễn Thị N (là Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị N, địa chỉ: Đường A, khu dân cư T1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương) đã bán trái phép 15 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử không kèm hàng hóa cho Nguyễn Thị D 08 hóa đơn và Trần Thị Y 07 hóa đơn, thu lời số tiền 4.700.000đ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị N đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn do Nhà nước thống nhất phát hành, các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, gây mất trật tự trị an. Bị cáo Nguyễn Thị N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và biết rõ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng điện tử không kèm hàng hóa là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội bằng việc bán trái phép 15 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử không kèm hàng hóa cho Nguyễn Thị D 08 hóa đơn và Trần Thị Y 07 hóa đơn, thu lời số tiền 4.700.000đ. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành của tội "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

5.1. Bị cáo Nguyễn Thị N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

5.2. Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội trong lĩnh vực kinh tế; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hậu quả từ việc bán 15 số hóa đơn chưa dẫn đến thiệt hại về tiền thuế về NSNN nên chỉ cần áp dụng hình phạt là Phạt tiền cũng đủ thể hiện tính nghiêm minh và sự khoan hồng của pháp luật theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Xét tính chất, hành vi và hậu quả cũng như đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung nào đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

8.1. Đối với 15 hóa đơn điện tử có các số thứ tự 63, 111, 170, 314, 315, 361, 366, 375, 376, 377, 440, 441 của năm 2022 và số 10, 11, 12 của năm 2023 sau khi giám định, tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

8.2. Đối với số tiền 4.700.000đ tiền thu lời bất chính của N cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

8.3. Đối với số tiền 100.000đ của D và Y; 100.000đ của N tự nguyện giao nộp không liên quan đến vụ án nên cần trả lại N, D, Y nhưng do N, D, Y không nhận lại nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

8.4. Đối với 01 Máy tính nhãn hiệu Lenovo, màu đen, tên thiết bị: DESKTOP – 3NDHVAK; ID thiết bị: 8F6B1D42 – E571 – 4FA5 – 8C2B- C5E71A40CF69; ID sản phẩm: 00330 – 80000 – 00000 – AA924 (đã qua sử dụng); 01 USB màu trắng đen *(USB token)* bên trên USB có mã số 5405211101003172 của Nguyễn Thị N; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 356561086175644 màu đen, lắp sim số: 0987.388.788 *(đã qua sử dụng)* của Nguyễn Thị D là công cụ để thực hiện hành vi in, chuyển giao hóa đơn điện tử nên cần tịch thu theo quy định tại điểm a, b

khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với hành vi mua các hóa đơn giá trị gia tăng điện tử mà không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của Nguyễn Thị D và Trần Thị Y đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước".

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N số tiền **60.000.000đ** (*Sáu mươi triệu đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về vật chứng:

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 4.900.000đ được đựng trong 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi Công an tỉnh Hải Dương, số 34/KL-KTHS, mặt sau có 04 dấu đỏ giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự và 05 chữ ký niêm phong mẫu vật.

Tịch thu phát mại sung nộp Ngân sách Nhà nước 01 Máy tính nhãn hiệu Lenovo, màu đen, tên thiết bị DESKTOP – 3NDHVAK; ID thiết bị: 8F6B1D42 – E571 – 4FA5 – 8C2B- C5E71A40CF69; ID sản phẩm: 00330 – 80000 – 00000 – AA924 (đã qua sử dụng); 01 USB màu trắng đen *(USB token)* phía ngoài có mã số 5405211101003172 (đã qua sử dụng); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, số IMEI: 356561086175644, trong lắp 01sim Viettel 4G có số seri 8984048000330367026 *(máy đã qua sử dụng)*.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh).*

4. Về án phí: Buộc bị Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Chí Linh;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách